

Bản án số: 177/2022/HS-ST
Ngày 06-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Trường

Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 155/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đào Xuân T, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1982 tại Hải Phòng, ĐKKHKT: Số 6 gác 2 T, phường T, quận Q, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 29B/66 Đ, phường H, quận C, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đào Xuân Y và bà Phạm Thị A; có vợ là chị Trần Thị V và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2009/HSST ngày 17/9/2009 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/6/2022 chuyển tạm giam ngày 06/6/2022, có mặt.

2. Trần Thị V, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1980 tại Hải Phòng, ĐKKHKT: Số 6 gác 2 T, phường T, quận Q, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 29B/66 Đ, phường H, quận C, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có chồng là anh Đào Xuân T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không;. Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/9/2022 chuyển tạm giam ngày 09/9/2022, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm T, phường G, quận Q, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bà Trịnh Thị T; sinh năm 1971; địa chỉ: Số 286 đường T, phường X, quận C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

3. Bà Trịnh Thị Ánh N, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 3/43 đường L, phường X, quận C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 180 đường Đ, phường G, quận Q, thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 270 đường X, phường H, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 84 Lô 3E đường P, phường K, quận Q, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

7. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 40 tổ 18 ngõ 275 đường K, quận Q, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đào Xuân T:* Luật sư Nguyễn Xuân T, Văn phòng Luật sư 13/5, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 40/109 đường K, phường G, quận Q, thành phố Hải Phòng.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị V:* Luật sư Nguyễn Đăng K, Văn phòng Luật sư Á Đ, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 135 đường C, phường V, quận B, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cửa hàng cho thuê xe tự lái Ngọc A; địa chỉ: Số 55 đường T1, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. Văn phòng Công chứng Phùng Thị T; địa chỉ: Số 401 đường C, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Văn phòng Công chứng Công N; địa chỉ: Số 351 đường N, phường H,

quận A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Đào Thị S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Xuân T cùng vợ là Trần Thị V kinh doanh, buôn bán loa, đài tại chợ Sắt, thành phố Hải Phòng. Do việc làm ăn, kinh doanh thua lỗ, vay nợ tiền của nhiều người không có khả năng thanh toán nên Đào Xuân T nảy sinh ý định đi thuê xe ô tô tự lái rồi thông qua mạng xã hội Facebook liên hệ, cung cấp thông tin cá nhân của mình đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển kiểm soát xe ô tô, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng ủy quyền... gồm 09 loại, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 946202, CK 946206, BI 800183; Hợp đồng ủy quyền sử dụng đất được Chủ tịch UBND xã T huyện L, Hải Phòng chứng thực ngày 21/9/2020; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 512560, 087179, 084558, 639467; 01 biển kiểm soát xe ô tô 15A-500.xx. Sau khi nhận được các loại giấy tờ, tài liệu giả trên, T đã nói cho vợ là Trần Thị V biết xe ô tô do T đi thuê về và đã làm giả giấy tờ, bàn bạc cùng V đi làm các thủ tục công chứng để bán xe ô tô; Sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Hợp đồng ủy quyền sử dụng đất giả,... để thế chấp vay tiền. Từ ngày 07/12/2020 đến ngày 04/3/2021 Đào Xuân T cùng vợ là Trần Thị V đã chiếm đoạt tiền của một số người, cụ thể như sau:

1. Ngày 07/12/2020, Đào Xuân T đến gặp anh Đỗ Trọng T, sinh năm 1982, cư trú: số 77/30/313 đường N, phường T, quận Q, Hải Phòng là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quốc T, thuê xe ô tô nhãn hiệu Honda CR-V, biển kiểm soát 15A-100.xx. Sau khi thuê được xe, T đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 512560 mang tên Đào Xuân T. Khi có đăng ký xe ô tô giả, ngày 21/12/2020, T cùng vợ là Trần Thị V đến Văn phòng công chứng Công N để ký hợp đồng bán chiếc xe ô tô trên cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976, nơi cư trú: xóm T, phường G, quận Q, Hải Phòng với giá 300.000.000 đồng.

2. Khoảng tháng 12/2020, Đào Xuân T mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Lexus, mang Biển kiểm soát xe ô tô nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Sau đó đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 087179 mang tên Đào Xuân T và 02 biển kiểm soát 15A-500.xx. Khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và biển kiểm soát xe ô tô giả, T lắp biển kiểm soát giả vào xe ô tô rồi cùng V đi làm thủ tục thế chấp vay của chị Trịnh Thị T, sinh năm 1971, cư trú: số 286 T, phường X, quận C, thành phố Hải Phòng số tiền là 500.000.000 đồng. Sau đó thỏa thuận bán chiếc xe ô tô trên với giá 01 tỷ đồng nhưng chị T không đủ tiền nên chị Đỗ Thị

H, sinh năm 1980, nơi cư trú: số 40 tổ 18 ngõ 275 phường K, quận Q, thành phố Hải Phòng đã bỏ ra 450.000.000 đồng cùng tham gia mua xe ô tô với chị T và để chị T thay mặt đứng ra mua. Ngày 09/01/2021, chị T đã trả thêm cho vợ chồng T, V số tiền 500.000.000 đồng và tiến hành làm thủ tục mua, bán xe tại Văn phòng công chứng Công N.

3. Ngày 07/01/2021, Đào Xuân T đến Cửa hàng cho thuê xe tự lái Ngọc A, địa chỉ số 55 đường T, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX-5, biển kiểm soát 15A-259.xx, sau đó đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 084558 mang tên Đào Xuân T. Khi nhận được đăng ký xe ô tô giả, T cùng V đến Văn phòng công chứng Công N làm thủ tục bán xe ô tô trên cho chị Nguyễn Thị L với giá 400.000.000 đồng.

Sau đó T bị các chủ xe đòi nên đã thông báo cho chị H biết các xe đó không phải của vợ chồng mình, các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đều là giả và nhờ chị Hoài thông báo cho chị L, chị T biết để T trả tiền xin chuộc lại xe. T đã trả lại chị T 300.000.000 đồng và hứa sẽ trả nốt 700.000.000 đồng nên chị T đồng ý trả lại xe Lexus và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả. Còn chị L do chưa nhận được tiền nên mới trả lại xe ô tô nhãn hiệu Honda CR-V và xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX-5 nhưng giữ lại các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả. Quá trình điều tra chị L đã giao nộp cho Cơ quan Công an. Đối với các hợp đồng mua bán được công chứng chị L, chị T đã trả lại cho Văn phòng công chứng Công N, Văn phòng công chứng đã tiêu hủy các hợp đồng này. T trả lại ô tô cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quốc T và Cửa hàng cho thuê xe tự lái Ngọc A vào ngày 11/01/2021.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Lexus, T đã bán cho một người không quen biết thông qua mạng xã hội Facebook được 350.000.000 đồng.

4. Tháng 01/2021, T đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 946202 mang tên Đào Xuân Y, Phạm Thị Anh, địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện L, Hải Phòng (là bố mẹ đẻ của T) và 01 Hợp đồng ủy quyền sử dụng đất giả số chứng thực 112, của ông Y, bà Anh cho vợ chồng T, V. Thông qua chị Hoài giới thiệu, T và V đã sử dụng các loại giấy tờ giả trên để thế chấp vay của chị Trịnh Thị Ánh N, sinh năm 1977, nơi cư trú: số 3/43 đường L, phường X, quận C, thành phố Hải Phòng số tiền 400.000.000 đồng. Ngày 06/3/2021, vợ chồng T, V thống nhất với chị N viết giấy biên nhận bán thửa đất trên cho chị N với giá 600.000.000 đồng và đã nhận 400.000.000 đồng tiền đặt cọc.

5. Ngày 22/01/2021, Đào Xuân T tiếp tục đến Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quốc T thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda CR-V, biển kiểm soát 15A-100.xx, đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 639467 mang tên

Đào Xuân T. Ngày 23/01/2021, T và V đến Văn phòng công chứng Phùng Thị T ký hợp đồng bán xe ô tô trên cho anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978, cư trú: số 180 đường Đ, phường G, quận Q, thành phố Hải Phòng với giá 450.000.000 đồng.

6. Ngày 01/02/2021 T, V đã sử dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CK 946206 mang tên Đào Xuân T, Trần Thị V; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CK 946202 mang tên Đào Xuân Y, Phạm Thị A, địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện L, thành phố Hải Phòng và 01 Hợp đồng ủy quyền sử dụng đất giả số chứng thực 112 của ông Y, bà Anh cho vợ chồng T, V, thể chấp vay tiền của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, nơi cư trú: số 270 đường X, phường K, quận C, thành phố Hải Phòng số tiền là 300.000.000 đồng thỏa thuận trả trong thời gian 60 ngày, lãi suất 3.000.000 đồng/01 tháng (bà Song giới thiệu).

7. Ngày 04/3/2021, T, V tiếp tục sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BI 800183 mang tên em dâu của T là Nguyễn Thị Thùy D, nơi cư trú: số 01/01/299 đường K, quận C, thành phố Hải Phòng. Thông qua bà S giới thiệu để thể chấp vay của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970, cư trú: số 84 Lô 3E đường P, phường K, quận Q, thành phố Hải Phòng số tiền là 400.000.000 đồng thỏa thuận trả nợ trong thời gian 80 ngày với lãi suất 4.000.000 đồng/01 tháng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đã ra các Quyết định trưng cầu giám định số 158/QĐ-PC02(Đ7) ngày 03/6/2021; số 189/QĐ-CSHS(Đ6) ngày 11/7/2021; số 266, 267/QĐ-PC02(Đ7) ngày 26/9/2021; Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Q, thành phố Hải Phòng đã ra các Quyết định trưng cầu giám định số 234, 235 ngày 12/8/2021, số 274 ngày 08/10/2021 để giám định chữ ký, chữ viết, con dấu, đường vân,... trên các tài liệu cần giám định như Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, hợp đồng vay tiền, giấy biên nhận, Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng mua bán xe ô tô, hợp đồng thuê xe ô tô,... do Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ.

Tại các Bản kết luận giám định số 89/KLGD-PC09 ngày 18/6/2021, số 152/KLGD-PC09 ngày 16/9/2021, số 155/KLGD-PC09 ngày 15/9/2021; số 168/KLGD-PC09 ngày 06/10/2021; số 106/KLGD-PC09 ngày 18/7/2021; số 124/KLGD-PC09 ngày 13/8/2021; số 614/KLGD-PC09 ngày 16/8/2021 và số 181/KLGD-PC09 ngày 21/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 946206; CK 946202; BI 800183 là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 512560 cấp ngày 15/8/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 084558 cấp ngày 22/5/2019 là giả.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị V trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1-A3),...so với mẫu so sánh (ký hiệu M1) do cùng một người ký, viết ra.

-Chữ ký, chữ viết mang tên Đào Xuân T trên tài liệu cần giám định,(ký hiệu A2-A3),...so với mẫu so sánh (ký hiệu M2-M3) do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Đào Xuân T và Trần Thị V tại mục “Bên bán (bên A)” trên tài liệu cần giám định, so với chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

- Dấu vân tay ký hiệu DV1, DV2, DV3,... với dấu vân tay in tại ô trống trái, trống phải trên bản sao y phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân,... mang tên Đào Xuân T và Trần Thị V,... là của cùng một người.

- Xe ô tô con, nhãn hiệu HONDA, mang BKS 15A-100.96 có số khung, số máy là số nguyên thủy của nhà sản xuất, không phát hiện có sự tẩy xóa hoặc sửa chữa các ký tự. Trên khung xe, trên thân máy không phát hiện thấy có dấu vết cắt hàn nghi vấn.

- Chữ ký mang tên Chủ tịch Nguyễn Thành T tại mục “Người thực hiện chứng thực” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký của ông Nguyễn Thành Tuyên - Chủ tịch UBND xã T, huyện L, thành phố Hải Phòng trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “UBND XÃ T HUYỆN L TP HẢI PHÒNG” và hình dấu chức danh có nội dung “CHỦ TỊCH Nguyễn Thành T” tại mục “Người thực hiện chứng thực” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 là giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu.”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Q, thành phố Hải Phòng đã Yêu cầu định giá tài sản đối với xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV mang Biển kiểm soát 15A-100.96. Tại Kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 20/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân quận Q kết luận: “*Đến thời điểm bị xâm hại, xe ô tô con HONDA CRV mang Biển kiểm soát 15A-100.xx đã qua sử dụng có giá 547.872.000 đồng*”.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai UBND huyện L, Hải Phòng, xác định: Từ tháng 01/2014 đến nay UBND huyện không cấp phát 02 phiôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đào Xuân T, Trần Thị V số CK 946206 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đào Xuân Y, Phạm Thị A số CK 946202 cùng địa chỉ tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, Hải Phòng.

Xác minh tại UBND xã T, huyện L, thành phố Hải Phòng, kết quả: Ngày 21/9/2020, UBND xã có ban hành hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của

ông Đào Xuân Y, bà Phạm Thị A cho Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị H số chứng thực 112, quyền số 01/2015TP/SCT/HĐ, GD chứ không phải hợp đồng ủy quyền sử dụng đất của ông Đào Xuân Y, bà Phạm Thị A cho Đào Xuân T và Trần Thị V.

- Ông Đào Xuân Y, bà Phạm Thị A hiện tại đang sinh sống trên thửa đất số 80, tờ bản đồ số 218C-1, diện tích 77 m², cấp năm 2007, chưa phát sinh giao dịch chuyển nhượng cho người khác.

- Thửa đất thửa đất số 80D, tờ bản đồ số 218, diện tích 70,5 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 402910 mang tên Đào Xuân T, Trần Thị V đã bán sang tên cho ông Trần Quốc C, cư trú: Q, Hải Phòng vào năm 2012.

- Chị Nguyễn Thị Thùy D là em dâu của Đào Xuân T xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Thùy D, địa chỉ: số 01/01/229 phường K, quận C, Hải Phòng số BI 800183 là tài sản riêng của chị D, bản thân chị không cho bất cứ ai mượn và hiện nay đang thế chấp tại ngân hàng Agribank chi nhánh C, Hải Phòng.

Ngày 03/6/2022 Đào Xuân T bị bắt giữ theo Quyết định truy nã bị cáo số 38/QĐ-PC02(Đ7) ngày 17/11/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng.

Ngày 05/9/2022 Trần Thị V đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đầu thú.

Tại bản Cáo trạng số 161/CT-VKS-P3 ngày 17/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố Đào Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo điểm a,b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự”; truy tố Trần Thị V phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến về nội dung Cáo trạng, thừa nhận về hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã nêu, việc truy tố, xét xử các bị cáo là không oan.

Sau phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội: Phân tích hành vi, tính chất, mức độ nghiêm trọng, nhân thân của bị cáo và đề nghị:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a, b khoản 3 Điều 341; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Đào Xuân T 20 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 04 đến 05 năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Trần Thị V 16 đến 18 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền: Số tiền 700.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị L; số tiền 450.000.000 đồng cho bà Đỗ Thị H; số tiền 400.000.000 đồng cho bà Trịnh Thị Ánh N; số tiền 450.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh T; số tiền 300.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T; số tiền 400.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Tổng số tiền là 2.700.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng là 09 giấy tờ, hồ sơ giả là các tài liệu chứng cứ nên cần lưu trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị hại trình bày:

Bị hại chị Đỗ Thị H trình bày: Sự việc như các bị cáo trình bày là đúng. Chị H và vợ chồng bị cáo có mối quan hệ bạn bè thân thiết. Khi biết vợ chồng bị cáo T cần vay tiền làm ăn, chị đã giới thiệu cho một số người để vợ chồng bị cáo vay. Bản thân chị cũng đã góp số tiền 450.000.000 đồng với chị Trịnh Thị T để mua chiếc xe Lexus của vợ chồng bị cáo. Vợ chồng bị cáo đến nay vẫn chưa trả chị số tiền này, chị Hoài yêu cầu bị cáo phải trả cho chị số tiền 450.000.000 đồng.

Bị hại chị Trịnh Thị T trình bày: Sự việc như các bị cáo và chị H trình bày là đúng. Chị đã bỏ số tiền 500.000.000 đồng cho vợ chồng bị cáo T vay, sau đó vợ chồng bị cáo không trả được và đã bán tài sản là chiếc xe ô tô Lexus của vợ chồng cho chị và chị H. Chị H lúc này cũng góp với chị số tiền 450.000.000 đồng để mua xe. Sau khi biết chiếc xe không phải là xe của bị cáo T, chị đã trả lại chiếc xe, vợ chồng bị cáo T đã trả lại cho chị số tiền 300.000.000 đồng. Tại giai đoạn điều tra chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn thiếu là 200.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa, xét thấy hoàn cảnh vợ chồng bị cáo khó khăn, nên chị không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Bị hại chị Nguyễn Thị L trình bày: Sự việc như các bị cáo và các bị hại trình bày là đúng. Chị mua xe của vợ chồng bị cáo T là do chị H giới thiệu. Khi thực hiện việc mua bán, do không hiểu biết pháp luật nên mọi thủ tục mua bán chị đã nhờ Văn phòng công chứng Trung N. Sau đó chị đã mua tiếp một chiếc xe ô tô khác của vợ chồng bị cáo. Tổng số tiền chị đã trả cho vợ chồng bị cáo là 700.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu vợ chồng bị cáo phải trả lại cho chị số tiền trên.

Bị hại anh Nguyễn Thanh T trình bày: Sự việc như các bị cáo trình bày là đúng. Anh có nhu cầu mua xe, qua mạng xã hội nên anh biết vợ chồng bị cáo bán

chiếc xe Honda CR-V. Hai bên thoả thuận giá là 450.000.000đồng và làm thủ tục mua bán tại Văn phòng công chứng Phùng Thị T. Anh đã trả tiền và sử dụng được nửa năm, đến khi làm thủ tục sang tên mới biết là giấy tờ xe là giả. Nay anh yêu cầu các bị cáo và văn phòng công chứng phải có trách nhiệm bồi thường cho anh số tiền 450.000.000 đồng.

Luật sư Nguyễn Xuân T trình bày lời bào chữa và tranh luận: Nhất trí với quan điểm truy tố của Đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của vợ chồng bị cáo. Vợ chồng bị cáo kinh doanh loa đài ở Chợ sắt, vào thời điểm dịch Covid nên gặp nhiều khó khăn. Các bị cáo quá trình điều tra luôn thành thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bố của bị cáo T vừa mất, mẹ già ốm đau bệnh tật, 3 đứa con nhỏ không nơi nương tựa. Bố mẹ của bị cáo T là thanh niên xung phong trong thời kì chống Mỹ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 . Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Luật sư Nguyễn Đăng K trình bày lời bào chữa và tranh luận: Nhất trí với quan điểm truy tố của Đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều luật. Tuy nhiên, Cáo trạng truy tố các bị cáo lừa đảo số tiền 3.250.000 triệu, nhưng thực tế bị cáo đã dùng 300 triệu trả cho chị T để chuộc lại xe, do vậy xác định số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 2.950.000.000. Về vai trò trong vụ án, bị cáo T đã trình bày rất rõ. Việc giao dịch từ khi cầm xe, giao dịch, nhận tiền, quyết định sử dụng tiền chủ yếu là do bị cáo T thực hiện. Bị cáo V là người kí tên các giao dịch, đánh giá vai trò là buộc phải đi cùng và kí giấy. Do vậy, đề nghị cá thể hóa trách nhiệm của từng bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, kiến nghị đối với các phòng Công chứng, đã thiếu trách nhiệm trong việc công chứng khi không gửi hồ sơ lên phòng cảnh sát giao thông để kiểm tra số seri giả, từ đó dẫn tới việc các bị hại đã tin tưởng và bị chiếm đoạt số tiền rất lớn.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo gửi lời xin lỗi đến các bị hại, nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Do việc làm ăn, kinh doanh thua lỗ, vay nợ tiền của nhiều người không có khả năng thanh toán nên Đào Xuân T nảy sinh ý đồ đi thuê xe ô tô tự lái rồi thông qua mạng xã hội Facebook liên lạc, cung cấp thông tin cá nhân của mình để đặt làm giả 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (02 giấy số CK 946202, 01 số CK 946206, 01 số BI 800183); 02 hợp đồng ủy quyền sử dụng đất (số chứng thực 112, quyền số 01/2015TP/SCT/HĐ,GĐ); 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (số 512560, 084558, 639467). Sau khi nhận được các loại giấy tờ giả trên, T đã bàn bạc với vợ là Trần Thị V, cả 2 thống nhất dùng Đăng ký xe ô tô giả, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Hợp đồng ủy quyền sử dụng đất giả để bán xe ô tô, thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, chiếm đoạt tiền của các bị hại.

Từ ngày 07/12/2020 đến ngày 04/3/2021 Đào Xuân T cùng vợ là Trần Thị V đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị L 700.000.000 đồng; chị Trịnh Thị T 250.000.000 đồng; chị Đỗ Thị H 450.000.000 đồng; chị Trịnh Thị Ánh N 400.000.000 đồng; anh Nguyễn Thanh T 450.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T 300.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H 400.000.000 đồng. Tổng số tiền Đào Xuân T, Trần Thị V đã chiếm đoạt của 07 người bị hại là **3.250.000.000** đồng. Đồng thời, T và V đã sử dụng 09 loại giấy tờ giả thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận Đào Xuân T và Trần Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đào Xuân T còn có hành vi làm giả 09 giấy tờ giả gồm Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển kiểm soát xe ô tô, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng ủy quyền, do vậy bị cáo T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật và khung hình phạt là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được nhà nước bảo

vệ. Hành vi làm giả tài liệu của bị cáo T đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan nhà nước. Lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý, các bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo và làm giả giấy tờ là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện để nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền lớn. Do đó cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để răn đe, trừng trị tội phạm, đồng thời có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Đào Xuân T và Trần Thị V đã nhiều lần thực hiện hành vi sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 07 bị hại mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập nên các bị cáo Đào Xuân T và Trần Thị V phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Trần Thị V đã đến cơ quan Công an đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo T xuất trình các tài liệu thể hiện bố mẹ của bị cáo T là thanh niên xung phong và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định của pháp luật thì trường hợp này không được coi là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] *Về nhân thân:* Bị cáo T đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2009/HSST ngày 17/9/2009. Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ninh (đã được xóa án tích). Mặc dù không coi bị cáo là người có án tích, nhưng cũng cần đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu, Hội đồng xét xử sẽ xem xét yếu tố nhân thân này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- *Về vai trò hình phạt:*

[8] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng hành vi phạm tội, của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đây là vụ án có đồng phạm. T và V có sự bàn bạc, thống nhất về việc thực hiện các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, bị cáo Đào Xuân T là người lên kế hoạch, đặt làm các giấy tờ giả, sau đó mới bàn bạc với vợ là Trần Thị V. Đây là trường hợp đồng phạm gián đơn, T có vai trò chính, còn V là người giúp sức tích cực. Đối với hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, Trần Thị V không được

T bàn bạc, không tham gia cùng T đặt làm giả tài liệu nên không đồng phạm với Trần Xuân T về hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Xét thấy các bị cáo lừa đảo tổng số tiền 3.250.000.000 đồng, gấp trên 6 lần mức cao nhất của điểm a khoản 4 Điều 174, hành vi phạm tội của các bị cáo được lặp lại nhiều lần, với nhiều bị hại. Bị cáo T có nhân thân xấu, đã từng bị kết án, đã được xoá án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Trong vụ án T có vai trò chính, là người có ý tưởng và lên kế hoạch để thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới đảm bảo tính răn đe, trừng trị. Đối với bị cáo V, là đồng phạm nhưng có vai trò thứ yếu. Bị cáo V có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, vì vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo cũng đủ đảm bảo tính răn đe, trừng trị.

Đối với hành vi làm giả tài liệu, giấy tờ của Đào Xuân T nhằm mục đích chính để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do vậy chỉ cần xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt đối với hành vi này.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9] Các bị hại chị Nguyễn Thị L yêu cầu bồi thường số tiền 700.000.000 đồng; Chị Đỗ Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 450.000.000 đồng; Chị Trịnh Thị Ánh N yêu cầu bồi thường số tiền 400.000.000 đồng; Anh Nguyễn Thanh T yêu cầu bồi thường số tiền 450.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 300.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 400.000.000 đồng. Bị cáo Đào Xuân T và Trần Thị V chưa bồi thường. Tại phiên toà bị hại là chị Trịnh Thị T không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 200.000.000 đồng, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị hại, không buộc các bị cáo phải bồi thường cho chị Trịnh Thị T. Như vậy buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền như đã nêu trên, tổng số tiền là 2.700.000.000 (Hai tỉ bảy trăm triệu) đồng.

[10] *Về xử lý vật chứng:* Đối với: 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 512560 và 084558 cùng mang tên Đào Xuân T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 639467 mang tên Đào Xuân T; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 946202 mang tên Đào Xuân Y, Phạm Thị A; 01 hợp đồng ủy quyền sử dụng đất số chứng thực 112, quyền số 01/2015TP/SCT/HĐ,GĐ ; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 946206 mang tên Đào Xuân T, Trần Thị V; 01 hợp đồng ủy quyền sử dụng đất số chứng thực 112, quyền số 01/2015TP/SCT/HĐ,GĐ; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 800183 mang tên Nguyễn Thị Thùy D; là các tài liệu chứng cứ nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Về các vấn đề khác:

[11] Đối với chiếc xe ô tô HONDA CRV mang Biển kiểm soát 15A-100.xx Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô HONDA CRV mang Biển kiểm soát 15A-100.xx cùng với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô cho anh Đỗ Trọng T là đại diện Công ty TNHH Nam H để quản lý, sử dụng là có căn cứ.

[12] Việc Đào Xuân T thông qua mạng xã hội Facebook, cung cấp thông tin, thuê, đặt làm giả các tài liệu của cơ quan, tổ chức. Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng nhận làm giả cho T, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[13] Đối với Văn phòng công chứng Công N, đã thực hiện công chứng các hợp đồng cho vợ chồng T, V nhưng không biết các giấy chứng nhận đăng ký xe là giả và sau đó đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đã có Công văn đề nghị Thanh tra của Sở Tư pháp xác minh làm rõ vi phạm trong hoạt động công chứng để xem xét, xử lý theo quy định.

[14] Kiến nghị Thanh tra Sở Tư pháp làm rõ trách nhiệm của các Văn phòng công chứng Công N, Văn phòng công chứng Phùng Thị T trong hoạt động công chứng các hợp đồng chuyển nhượng các tài sản có giá trị để đảm bảo quyền lợi cho các bị hại trong vụ án này.

[15] Ngoài ra Đào Xuân T và Trần Thị V còn vay của bà Đào Thị S số tiền 600.000.000 đồng và 2.000 USD (tương đương 46.200.000 đồng), tài liệu điều tra xác định đây là giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ. Bà Đào Thị S có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu các bị cáo thực hiện nghĩa vụ đối với mình.

[16] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a, b khoản 3 Điều 341; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Đào Xuân T 20 (Hai mươi) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 4 (Bốn) năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội là 24 (Hai mươi tư) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2022.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Trần Thị V 16 (Mười sáu) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Đào Xuân T, Trần Thị V phải bồi thường số tiền:

- Số tiền 700.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị L.
- Số tiền 450.000.000 đồng cho bà Đỗ Thị H.
- Số tiền 400.000.000 đồng cho bà Trịnh Thị Ánh N.
- Số tiền 450.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh T.
- Số tiền 300.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T.
- Số tiền 400.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H.

Tổng số tiền là 2.700.000.000 đồng (mỗi bị cáo phải bồi thường tương ứng là 1.350.000.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đôi với: 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 512560 và 084558 cùng mang tên Đào Xuân T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 639467 mang tên Đào Xuân T; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 946202 mang tên Đào Xuân Y, Phạm Thị Anh; 01 hợp đồng ủy quyền sử dụng đất số chứng thực 112, quyền số 01/2015TP/SCT/HĐ,GĐ ; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 946206 mang tên Đào Xuân T, Trần Thị V; 01 hợp đồng ủy quyền sử dụng đất số chứng thực 112, quyền số 01/2015TP/SCT/HĐ,GĐ; 01 giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số BI 800183 mang tên Nguyễn Thị Thùy D; là các tài liệu, chứng cứ nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Các vật chứng trên được thể hiện tại Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 17/10/2022 tại Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Đào Xuân T, Trần Thị V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự: Buộc các bị cáo Đào Xuân T, Trần Thị V phải chịu 86.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (mỗi bị cáo phải chịu 43.000.000 đồng án phí dân sự).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

